

Vocabulary Từ vựng	Pronunciation Phiên âm	Part of speech Loại từ	Definition Định nghĩa	Example sentence (English) Câu ví dụ (Tiếng Anh)	Example sentence (Vietnamese) Câu ví dụ (Tiếng Việt)
	/tɔ:tʃ/	(n)	đuốc	We used a torch to see in the dark cave.	Chúng tôi đã dùng đèn pin để nhìn trong hang động tối.
	/kəm'petɪtə(r)/	(n)	đối thủ cạnh tranh	Sarah is my competitor in the running race.	Sarah là đối thủ của tôi trong cuộc đua chạy.
	/ˈfestɪvəl/	(n)	lễ hội	We celebrated the festival with music and dancing.	Chúng tôi đã ăn mừng lễ hội với âm nhạc và nhảy múa.
	/ˈkærəktə(r)/	(n)	nhân vật	The main character in the story was brave and kind.	Nhân vật chính trong câu chuyện là dũng cảm và tốt bụng.
	/ˈenədʒi/	(n)	năng lượng	Renewable energy like solar power helps protect the environment.	Năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời giúp bảo vệ môi trường.
	/ə'meɪzɪŋ/	(adj)	tuyệt vời	The magic show was amazing, with tricks and illusions.	Chương trình ảo thuật thật tuyệt vời, với các màn kỹ thuật và ảo giác.
	/kən'sɜ:n/	(n)	sự lo lắng (nhất là của nhiều người)	His teacher showed concern when he forgot his homework.	Giáo viên của anh ấy đã thể hiện sự quan tâm khi anh ấy quên bài tập về nhà.
	/dɪ'preʃn/	(n)	bệnh trầm cảm	Talking to friends can help when feeling sadness or depression.	Nói chuyện với bạn bè có thể giúp khi cảm thấy buồn hoặc trầm cảm.
	/ˈmɪʃn/	(n)	sứ mệnh, nhiệm vụ	Their mission was to clean up the beach and protect sea animals.	Nhiệm vụ của họ là dọn dẹp bãi biển và bảo vệ động vật biển.
	/ˈbʊlətɪn/	(n)	bản tin ngắn	The school bulletin announced the upcoming sports day.	Thông báo của trường thông báo về ngày hội thể thao sắp tới.
	/ˌɒnˈlaɪn ˈsɜ:ri:z/	(n)	chương trình phát trực tuyến nhiều kì	We watched an online series about a brave explorer.	Chúng tôi đã xem một loạt phim trực tuyến về một nhà thám hiểm dũng cảm.
	/ˌəʊvəˈləʊd/	(n)	sự quá tải	Too much homework can cause an overload of tasks.	Quá nhiều bài tập về nhà có thể gây quá tải nhiệm vụ.
	/ˈpaɪrəsi/	(n)	việc sao chép (đĩa DVD, sách, chương trình máy tính...) bất hợp pháp	Piracy of movies and music is illegal and wrong.	Sự sao chép trái phép phim và nhạc là vi phạm pháp luật và không đúng.